TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2023/DS-ST Ngày: 11/7/2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khoa;
Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng A).
Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hoàng V – chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh – chi nhánh A huyện P, tỉnh Phú Yên (theo giấy ủy quyền số 1005 ngày 01/2/2022; nhận ủy quyền lại từ quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022);

Địa chỉ: Khu phố Đ1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn K, sinh năm: 1963.
Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1962 (vợ ông K);
Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Ông Nguyễn K có vay tín dụng của ngân hàng A chi nhánh huyện P, tỉnh Phú Yên với số tiền 45.000.000 đồng, theo hợp đồng vay số 4608LAV202000311 ngày 07/02/2020, áp dụng lãi suất 11.5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm, lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 07/02/2020 đến ngày 07/02/2022), mục đích vay chăn nuôi bò, vay không có tài sản bảo đảm.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng tại ngân hàng, bà Võ Thị Kim H (vợ ông Nguyễn K) có giấy ủy quyền ngày 06/02/2020, ủy quyền cho ông Nguyễn K vay vốn tại ngân hàng A chi nhánh huyện P.

Quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 04/11/2022 còn nợ của ngân hàng A là 60.886.541 đồng (trong đó nợ gốc 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.965.411 đồng, lãi quá hạn 1.921.130 đồng). Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng.

Bị đơn Nguyễn K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện P, Công an xã H cung cấp ông Nguyễn K, bà Võ Thị Kim H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Hòa Q, vắng mặt do đi làm ăn xa nhưng vẫn có quay về nhà. Ông Nguyễn K nhận biết được các thông báo của Tòa án mà không đến Tòa là thể hiện việc trốn tránh trách nhiệm, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Kim H đến có đến Tòa để trình bày ý kiến, thừa nhận khoản vay ngân hàng khởi kiện là khoản vay chung của vợ chồng bà, nhưng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được nợ, có tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải tại Tòa án hẹn đến ngày 18/5/2023 sẽ trả đủ nợ cho ngân hàng, nhưng đã vi phạm thời hạn đến nay chưa trả.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông K, bà H trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 11/7/2023 là 66.107.775 đồng và lãi phát sinh tiếp theo.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền là 66.107.775 đồng (trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, lãi trong hạn là 17.446.439 đồng, lãi quá hạn là 3.661.336 đồng), tính đến

ngày xét xử 11/7/2023 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Ông K, bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn Nguyễn K và vợ bà Nguyễn Thị Kim H có địa chỉ tại thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng (là trường hợp cụ thể của quan hệ hợp đồng dân sự), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn không thực hiện hợp đồng tín đụng đã giao kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng có đơn khởi kiện vào ngày 01/12/2022 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Giữa ngân hàng A và bị đơn ông Nguyễn K có tự nguyện giao kết với nhau bằng hợp đồng tín dụng vào ngày 07/02/2020, theo đó Ngân hàng A đã giải ngân cho ông Nguyễn K vay vốn trực tiếp với số tiền 45.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò, lãi suất cho vay 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm, lãi chậm trả 10%/năm.

Do bị đơn không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã giao kết với ngân hàng A là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, từ ngày 08/02/2022 ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn theo như khoản 5 Điều 5 Hợp đồng tín dụng có nội dung thỏa thuận "*Đến hạn trả nợ, khách hàng không trả đúng hạn và không được ngân hàng chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì số nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được chuyển sang nợ quá hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn*". Lãi suất quá hạn theo thỏa thuận từ hợp đồng tín dụng là 150%/năm.

Bà Võ Thị Kim H không trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A. Tuy nhiên, bà H có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn K (chồng) trực tiếp thực hiện các giao dịch với ngân hàng. Đồng thời bà H cũng có bản tự khai tại Tòa thể hiện khoản vay nguyên đơn đang khởi kiện là khoản vay chung của hai vợ chồng. Do vậy, bà H có nghĩa vụ đồng trả nợ như ông Nguyễn K.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng, trong đó việc tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối Cao nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông K, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng N.

[6] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn K, bà Võ Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 66.107.775 đồng (trong đó nợ gốc 45.000.000 đồng, lãi trong hạn 17.446.439 đồng, lãi quá hạn 3.661.336 đồng) cho nguyên đơn là Ngân hàng N, theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/7/2023) ông K, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn K cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn K, bà Võ Thị Kim H phải chịu 3.305.000 đồng *(Ba triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân N số tiền 1.522.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009252 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền